

BỘ XÂY DỰNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM MINISTRY OF CONSTRUCTION CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM Số/Nº: /GCNCHK-CHK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness
GIẤY CHỨNG NHẬN CẢNG HÀNG KHÔNG/BÃI CÁT, HẠ CÁNH AERODROME CERTIFICATE Cấp lần thứ⁽¹⁾: Issue:	
CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CHỨNG NHẬN DIRECTOR GENERAL OF CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM CERTIFIES THAT	
TÊN, ĐỊA ĐIỂM CẢNG HÀNG KHÔNG/BÃI CÁT, HẠ CÁNH: NAME, LOCATION OF AERODROME: - Tên cảng hàng không/bãi cát, hạ cánh ⁽²⁾: - Name of aerodrome: - Địa điểm⁽³⁾: - Location:	
TỌA ĐỘ ĐIỂM QUY CHIẾU SÂN BAY/BÃI CÁT, HẠ CÁNH⁽⁴⁾: AERODROME REFERENCE POINT: 	
TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG/BÃI CÁT, HẠ CÁNH NAME ADDRESS OF AERODROME OPERATOR	

- Tên người khai thác ⁽⁵⁾ : - Name of aerodrome operator: - Địa chỉ ⁽⁶⁾ : - Address:	
MỤC ĐÍCH KHAI THÁC⁽⁷⁾: PURPOSE OF OPERATION:	
CẤP SÂN BAY/BÃI CÁT, HẠ CÁNH⁽⁸⁾: AERODROME REFERENCE CODE: Kèm theo Phụ lục Attachment	
- Có giá trị từ ngày (Validity from): - Giấy chứng nhận này thay thế giấy chứng nhận số cấp ngày .../.../... ⁽¹⁰⁾	CỤC TRƯỞNG DIRECTOR GENERAL <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên hoặc ký điện tử hợp lệ theo quy định pháp luật)</i> <i>(Signature, seal, and full name or a valid electronic signature in accordance with the provisions of law)</i>

Phụ lục

GIẤY CHỨNG NHẬN CẢNG HÀNG KHÔNG/BÃI CÁT, HẠ CÁNH

(Kèm theo Giấy chứng nhận cảng hàng không/bãi cát, hạ cánh số..... của Cục Hàng không Việt Nam)

I. Các thông tin chính của sân bay/bãi cát, hạ cánh

1. Loại tàu bay khai thác (critical aircrafts type):

.....

2. Các điều kiện khai thác của sân bay/bãi cát, hạ cánh đáp ứng loại tàu bay khai thác (the operational conditions for the accommodation of critical aircrafts for which the facility is provided)⁽⁹⁾:

.....

3. Cấp cứu hỏa sân bay/bãi cất, hạ cánh (RFF category):

.....

4. Các miễn trừ, hạn chế khai thác của sân bay/bãi cất, hạ cánh (the operational restrictions at the aerodrome, the authorized deviations related to aerodrome compatibility, their inherent operational conditions/restrictions and validity):

.....

II. Lịch sử quá trình cấp, cấp lại giấy chứng nhận

Số lần cấp ⁽¹⁾	Số giấy chứng nhận	Ngày/tháng/năm cấp ⁽¹⁾	Tên cảng hàng không/bãi cất, hạ cánh ⁽²⁾	Nội dung thay đổi ⁽¹¹⁾
.....				

Ghi chú:

- (1) Ghi rõ các lần cấp; ngày, tháng, năm của các lần cấp;
- (2) Ghi rõ tên cảng hàng không/bãi cất, hạ cánh;
- (3) Ghi địa điểm cảng hàng không theo địa giới hành chính;
- (4) Ghi rõ toạ độ điểm quy chiếu sân bay theo hệ toạ độ WGS - 84 (Ví dụ: Tiếng Anh: 16°24'02,46"N, 107°42'08,98"E; tiếng Việt: 16°24'02,46"B, 107°42'08,98"Đ);
- (5) Ghi tên người khai thác cảng hàng không/bãi cất, hạ cánh;
- (6) Ghi địa chỉ của người cảng hàng không/bãi cất, hạ cánh theo địa giới hành chính;
- (7) Ghi rõ mục đích khai thác (dân dụng; quân sự; dùng chung dân dụng và quân sự....);
- (8) Ghi rõ cấp sân bay/bãi cất, hạ cánh theo ICAO;
- (9) Ghi rõ các nội dung: thời gian khai thác; tên, kích thước, sức chịu tải đường cất hạ cánh; loại đèn tiếp cận; các hạn chế khai thác (nếu có);
- (10) Ghi nội dung này đối với trường hợp cấp lại;
- (11) Ghi rõ các nội dung thay đổi so với lần cấp gần nhất.